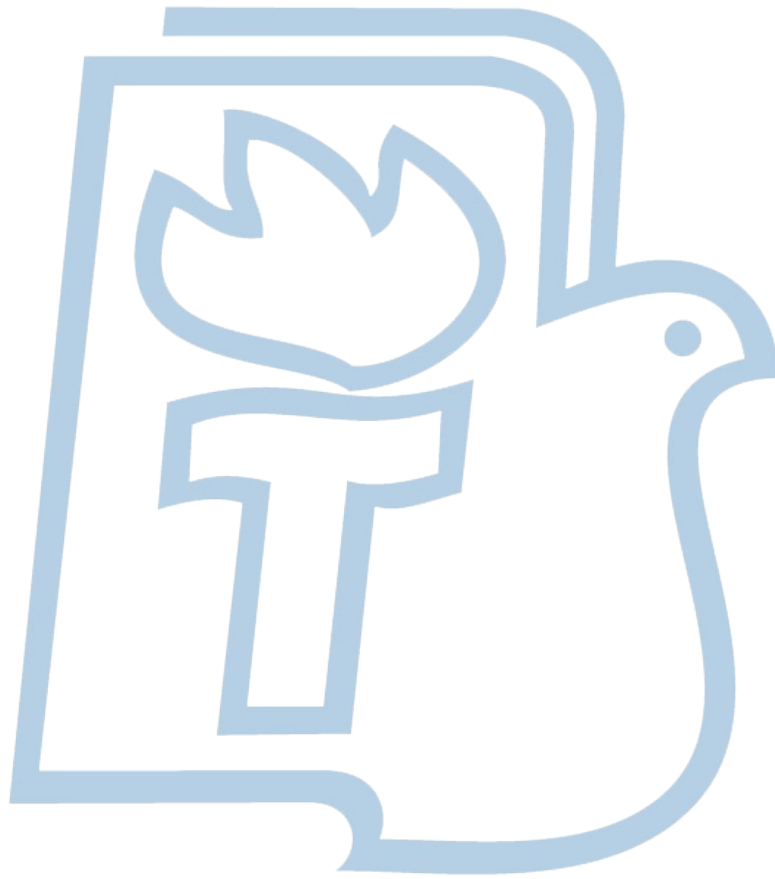
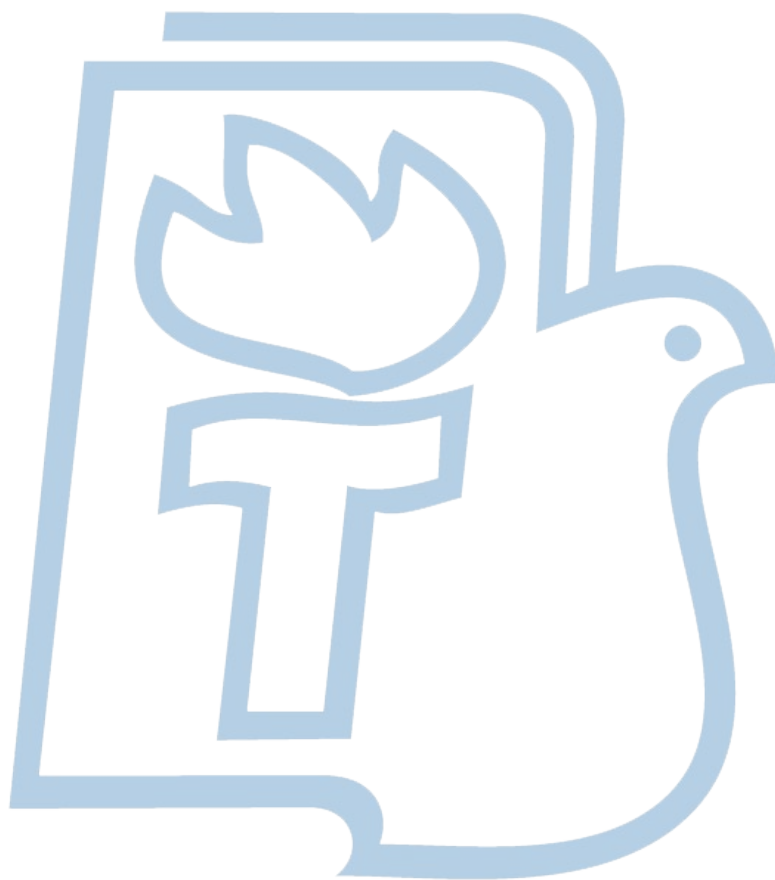


HÀ NỘI
THÀNH PHỐ
NGHÌN NĂM





BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nguyễn Vinh Phúc

Hà Nội – thành phố nghìn năm / Nguyễn Vinh Phúc. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009.
492tr. : minh họa ; 21cm.
1. Hà Nội (Việt Nam) — Lịch sử.

959.731 — dc 22
N573-P58

NGUYỄN VINH PHÚC

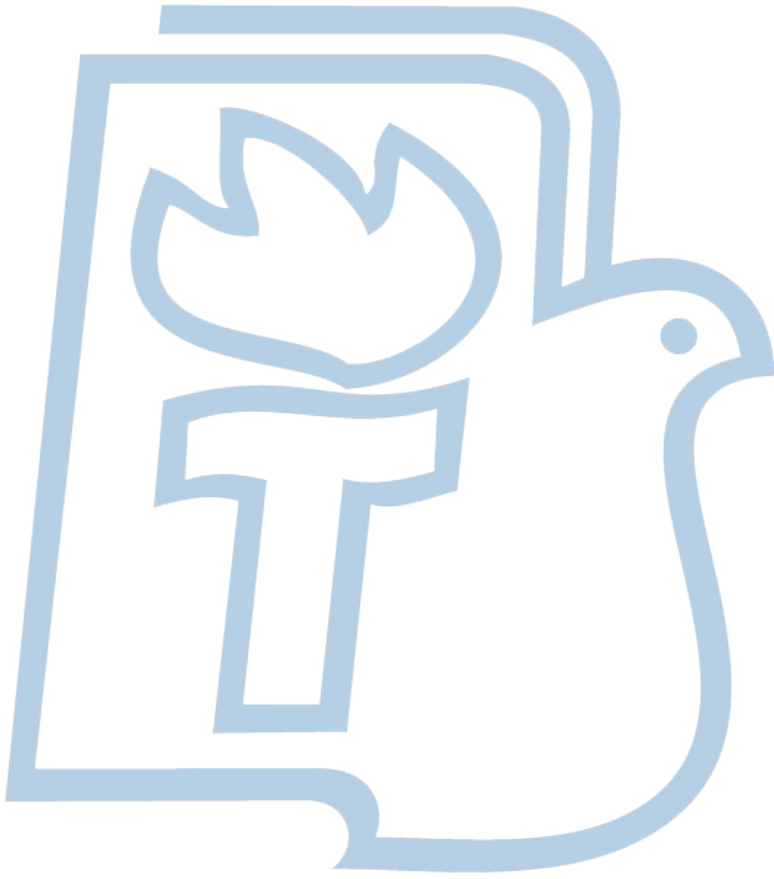


HÀ NỘI

THÀNH PHỐ NGHÌN NĂM



NHÀ XUẤT BẢN TRÉ



Lời nói đầu

Thủ đô Hà Nội sắp bước vào tuổi 1000. Nghìn năm một hội tương phùng. Không phải đất nước nào cũng có niềm tự hào về một Thủ đô có lịch sử lâu dài như vậy.

Hà Nội cùng cả nước đã có một lịch sử đấu tranh để tồn tại, rất gian khổ nhưng cũng rất vinh quang. Hà Nội không chỉ là nơi lắng đọng lịch sử của non sông Việt Nam mà còn là nơi tập trung các tài năng văn hóa, nghệ thuật, các thắng cảnh, các di tích lịch sử, các công trình kiến trúc với mật độ cao nhất nước. Hà Nội còn có những lễ hội dân gian độc đáo làm nên vẻ đẹp trong đời sống tinh thần dân tộc. Hà Nội còn là nơi hội tụ nhân tài bách nghệ ở khắp các cõi quê hương, đồng thời lại có giao lưu quốc tế thường xuyên nên có đủ điều kiện tạo thành sự phát triển của văn minh và lối sống văn hóa, thanh lịch.

Ngày nay trong sự nghiệp đổi mới, Hà Nội đang thay đổi từng ngày hướng tới một xã hội văn minh hiện đại, dân chủ, công bằng và hạnh phúc. Đặc biệt

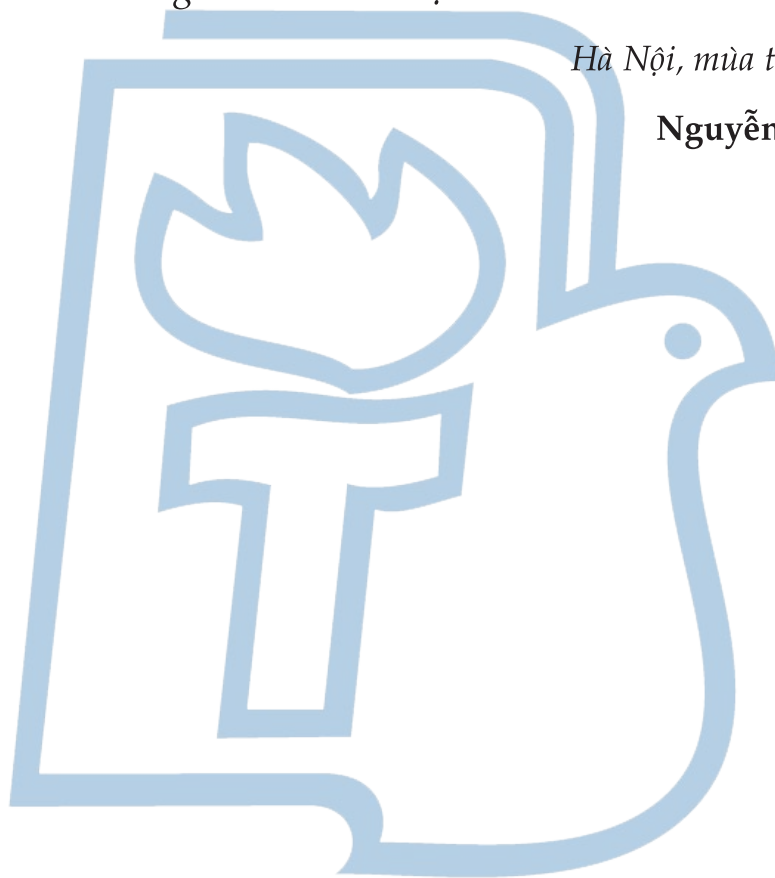


là từ tháng 8 năm 2008, Hà Nội hội nhập với các vùng đất Hà Tây, Mê Linh... nên bề dày lịch sử càng tăng lên.

Cho nên, thăm thú và tìm hiểu dải đất nghìn tuổi có thể là mong muốn của nhiều bạn trong và ngoài nước. Chúng tôi soạn sách này nhằm phục vụ một phần nào đó mong muốn du và khảo về vùng Thủ đô ngàn năm văn vật.

Hà Nội, mùa thu năm 2009

Nguyễn Vinh Phúc

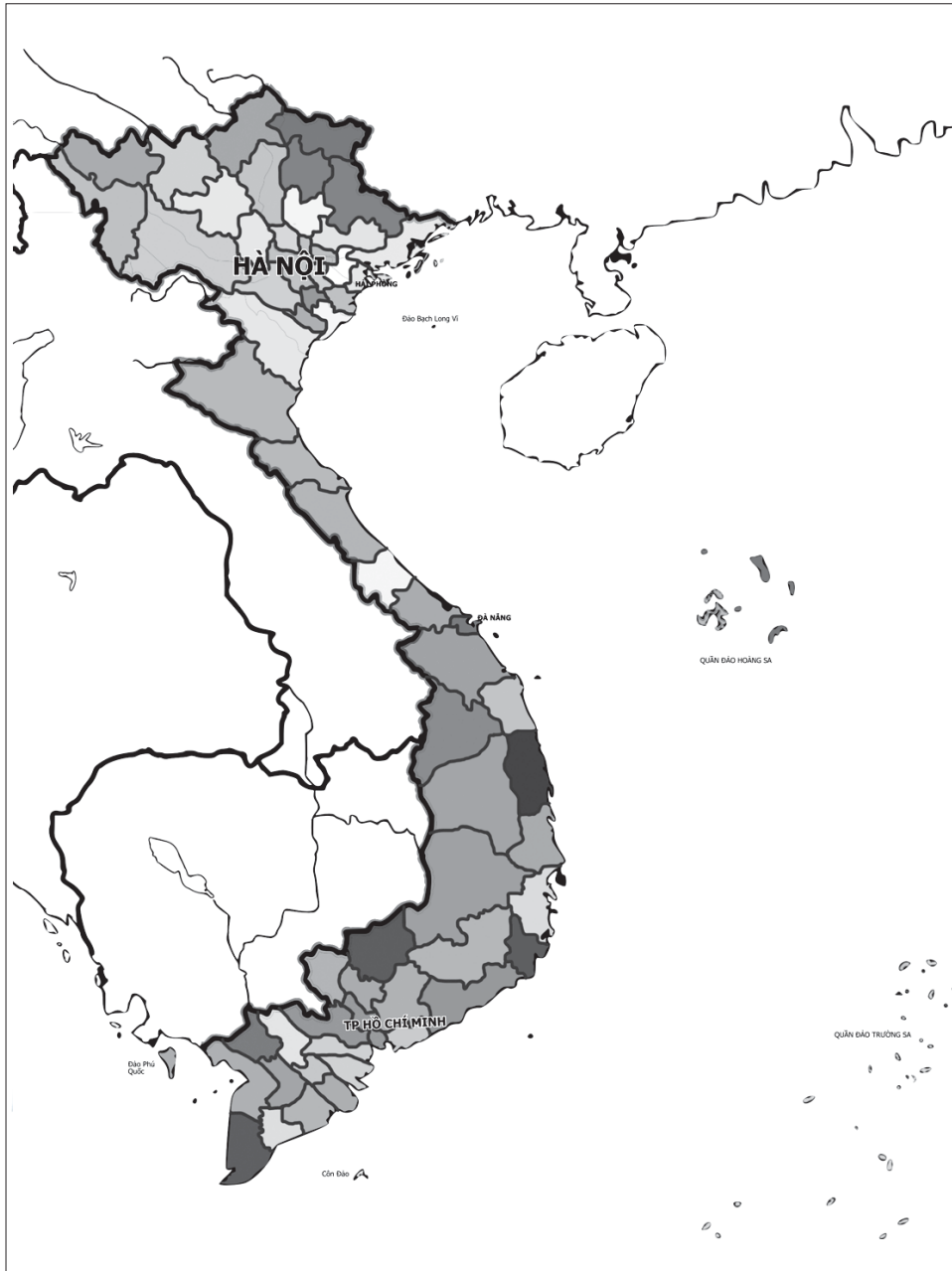


CHƯƠNG MỘT

**ĐÃ ĐÚNG NGÔI NAM BẮC ĐÔNG TÂY
LẠI TIỆN THỂ NHÌN SÔNG TỰA NÚI**

(Lý Thái Tổ)





Vị trí địa lý của Thủ đô Hà Nội trong bản đồ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Năm 1010, mới lên ngôi được 5 tháng, Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) đã ban chiếu hỏi ý kiến triều đình về việc dời đô. Bài chiếu có đoạn nói về vị thế Thăng Long:

“... Thành Đại La ở vào chính giữa trời đất, có cái thế rồng cuộn, hổ ngồi, đã đứng ngôi Nam Bắc Đông Tây lại tiện thế nhìn sông tựa núi.

Đất ấy rộng mà bằng phẳng, cao ráo mà sáng sủa; dân cư không phải cái nạn tối tăm, ẩm thấp, muôn vật cực kỳ giàu thịnh đông vui. Xem khắp nước Việt, đó là đất danh thắng, thật là đô hội trọng yếu để bốn phương sum họp và là đô thành bậc nhất đáng mặt làm kinh sư cho muôn đời”.

Quần thần hoan nghênh. Mùa thu năm đó, kinh đô được dời ra Đại La và đặt tên mới là Thăng Long. Thực ra, vùng đất Thăng Long đã có mặt cùng các địa phương khác làm nên sự thịnh vượng của đất nước từ những ngày xa xưa nhưng chỉ từ năm 1010 trở đi Thăng Long mới tỏ rõ là một đô thành lớn nhất nước Việt Nam thời đó và có một cốt cách văn hóa riêng biệt độc đáo.

Đó là một đồng bằng cao ráo, tiện lợi cho việc xây dựng.

Đó là một dải đất nằm ở giao điểm một mạng lưới sông ngòi để lên rừng xuống biển, ra Bắc vào Nam đều dễ dàng, trở thành một đầu mối giao thông tiện lợi cho việc phát triển kinh tế.

Đó là vùng đất màu mỡ, đủ điều kiện canh tác nuôi sống đông đảo dân cư.

Đó là nơi tụ hội nhân tài bốn phương, kết tụ tinh hoa, làm thành nơi đô hội phồn thịnh.

Con mắt tinh đời của Lý Thái Tổ đã nhìn ra - nói theo thuật ngữ ngày nay - những điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch một đô thị. Hà Nội hiện vẫn đang thừa hưởng những thuận lợi đó để phát huy, phát triển xây dựng thành Thủ đô ngàn đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày một phồn vinh. Tất nhiên, bên cạnh những thuận lợi cũng có những khó khăn mà bao nhiêu thế hệ người Thăng Long - Hà Nội đã phải khắc phục.



Toàn văn bản
Thiên đô chiếu
của Lý Thái Tổ.

*
* *

Nay, Hà Nội đã được mở rộng (từ 01/8/2008) gồm cả một phần đất tỉnh Vĩnh Phúc (huyện Mê Linh) và toàn bộ tỉnh Hà Tây (vốn là hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây). Như vậy là gồm cả thành Thăng Long, trấn Sơn Tây và trấn Sơn Nam xưa. Nhưng dù sao thành phố Hà Nội nay vẫn nằm ở trung tâm Bắc bộ, phía Bắc giáp tỉnh Vĩnh Phúc và Thái Nguyên; phía Đông giáp tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên; phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ và Hòa Bình; phía Nam giáp tỉnh Hà Nam...

Điểm cực Bắc thuộc xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, ở tọa độ $21^{\circ}23'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}50'$ kinh độ Đông giáp tỉnh Thái Nguyên.

Điểm cực Nam thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, ở tọa độ $20^{\circ}33'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}47'$ kinh độ Đông, giáp tỉnh Hà Nam.

Điểm cực Tây thuộc xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì, ở tọa độ $21^{\circ}10'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}17'$ kinh độ Đông, giáp tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cực Đông thuộc xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, ở tọa độ $21^{\circ}10'$ vĩ độ Bắc và $106^{\circ}10'$ kinh độ Đông.

Hà Nội mới có tổng diện tích là 3.344km^2 . Chạy dọc ranh giới phía Tây của thành phố hiện nay là các dãy núi Ba Vì (1281m), Viên Nam, Nương Ngái, Hương Sơn khác nào bức “trường thành”, áo giáp chở



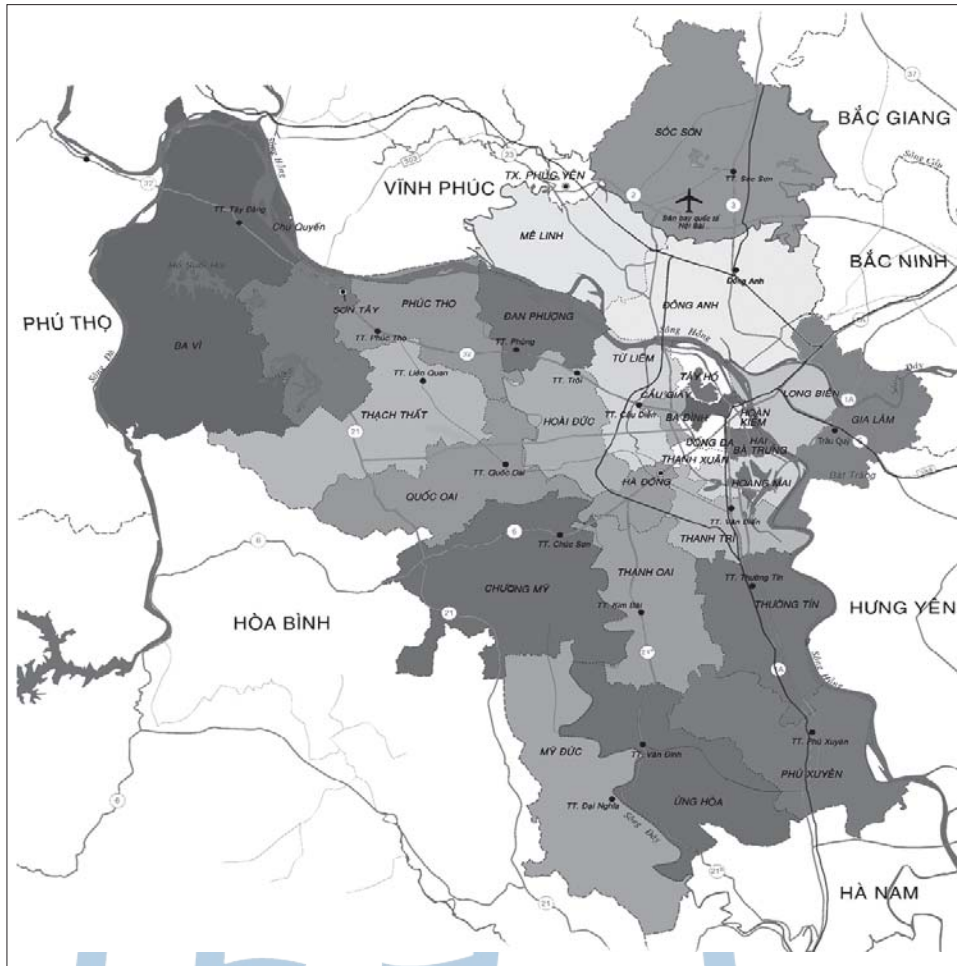
che cho cả đồng bằng Bắc bộ. Đồng bằng này thời cổ đại từng là một vịnh biển. Đó cũng là một vùng đồi núi đã bị sụt võng xuống dưới mực nước biển, vì vậy mà trong lòng đồng bằng của tỉnh vẫn tồn tại những đồi núi còn sót xưa vốn là những đỉnh cao của các hệ thống núi bị sụt võng, như dãy Câu Lậu ở Thạch Thất, cụm núi đá vôi ở Quốc Oai, Chương Mỹ. Ngoài ra, bờ vịnh cổ còn để lại bậc thềm phù sa cổ ở Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai cao độ 30-35m trên mặt đồng bằng phù sa mới hiện tại.

Những đặc điểm ấy sinh ra là do đứt gãy ngang theo hướng Tây Nam - Đông Bắc từ Đan Phượng tới Lạng Giang và đứt gãy dọc hướng Tây Bắc - Đông Nam từ Việt Trì xuống Cửa Đáy.

Toàn khu vực phía Tây thành phố ngày nay từng bị cuốn vào vận động tân kiến tạo nâng lên yếu mà hình thành sông; sông Tích là giới hạn giữa vùng núi phía Tây và đồng bằng phía Đông của tỉnh.

Còn khu vực đồi núi phía Bắc thành phố, ở vùng Sóc Sơn là thuộc rìa phía Nam của dãy Tam Đảo có độ cao từ 20m đến trên 400m với đỉnh cao nhất là núi Chân Chim cao 462m.

Đặc trưng của vùng đồng bằng là thấp, bằng phẳng, độ nghiêng chỉ dưới 10cm/km theo hướng Đông Nam và Nam do phù sa mới của sông Hồng, sông Đáy, sông Tích, sông Nhuệ... bồi đắp nên từ hàng vạn năm nay và đã vùi lấp trong lòng đất nhiều



Bản đồ Địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội.

di chỉ của các nền văn hóa Phùng Nguyên, Đông Sơn... Ven các lòng sông còn lại nhiều *sống đất* tự nhiên mà các con sông đã bồi lên trong các mùa lũ và sau khi đã bị cắt xẻ thành những đồi gò rải rác, xếp thành dãy dài hai bên bờ sông và đó là những nơi cao ráo để con người quần cư thành làng, xã thuở xưa. Cao trình mặt bằng của đồng bằng bồi tích không quá 10m. Các *sống đất*, các gò đồng lại còn là cốt lõi của các thân đê từ bao đời đã được đắp cao lên thành hệ thống đê điều vững chắc để phòng chống lũ lụt.



Nhưng những công trình nặng tính nhân tạo ấy làm cho địa hình phía Nam vốn đã thấp lại bị bịt kín thành những ô trũng, những “túi nước”, “rốn nước”. Ngoài ra, đồng bằng còn lại nhiều khúc sông “bị bỏ rơi” đã thành hồ đầm, có nơi ở tầng sâu đã hình thành những vỉa than bùn, như hầu hết tầng sâu của vùng phù sa cổ.

Đó là thực trạng hiện nay, còn nếu mở lại trang sử địa chất thì quá khứ nền đất Hà Nội tóm tắt như sau:

Đầu kỷ đệ tam, cách nay khoảng 50 triệu năm, vùng Hà Nội là một “máng trũng”. Có thời kỳ biển tiến vào, tràn ngập đồng bằng; giới địa chất gọi đó là vịnh Hà Nội.

Sang kỷ đệ tứ cách nay khoảng một triệu đến 30 vạn năm, biển rút khỏi đồng bằng. Trầm tích lục địa thay thế trầm tích biển. Hệ thống sông Hồng vận chuyển phù sa đắp lên trên trầm tích biển. Do đó trong các lỗ khoan ở vùng trũng, ta có thể thấy cuội sỏi xen lẫn với đất đỏ dạng laterite phủ lên trầm tích biển nằm sâu dưới bề mặt đồng bằng hiện nay khoảng 50m trở xuống.

Sau đấy, chừng 30 vạn năm cách ngày nay, biển lại tiến, trùn phủ lên đồng bằng, để lại những tầng sét cao lanh, sét cát mịn chứa di tích các sinh vật của vùng biển ven bờ (sò, điệp, trùng lỗ...). Biển vào sâu quá nội thành Hà Nội hiện nay. Sau đó biển lại rút dần, khoảng từ 4 vạn đến 2 vạn năm cách ngày nay,

bề mặt đồng bằng Bắc bộ trải rộng ra đến tận đảo Bạch Long Vĩ.

Tới đầu kỷ Toàn tân (Holocene) khoảng 17.000 năm đến dưới 12.000 năm cách ngày nay, biển lại tiến vào đất liền, tới quãng Phả Lại - Thường Tín.

Sau rớt, cách đây từ 7.000 đến 5.000 năm, biển thoái. Cũng từ đây địa hình Hà Nội đi dần vào thế ổn định và căn cốt của nó được duy trì đến ngày nay.

NÚI

Tiếp nối trung du nên Hà Nội trước khi mở rộng cũng đã có núi non. Ở ngoại thành thì trước tiên phải kể tới dãy núi Sóc Sơn từ mạch Tam Đảo chạy xuống. Ở dãy này có nhiều ngọn núi cao, nhất là ngọn Chân Chim 462m, còn có tên là núi Hàm Lợn. Rồi núi Don, núi Thanh Lanh, núi Bà Tượng, núi Bàn Cờ, núi Cao Tung, núi Mũi Cà, núi Trảm Tướng... Riêng ngọn núi Sóc - còn gọi là núi Mã, núi Đền, núi Vệ Linh - cao 308m, có đền Sóc Sơn thờ Thánh Dóng. Ở Đông Anh có núi Sái, ở Gia Lâm có núi Phục Tượng thì đều là núi đất cao vài chục mét.

Tại nội thành cũng có núi. Gọi là núi nhưng kỳ thực chỉ là những gò đất mà ngày một bị bóc gọt, san gạt, nay cao không quá hai chục mét, phần lớn nằm trên địa bàn quận Ba Đình. Đó là núi Sưa, còn có tên



là núi Xuân ở trong vườn Bách Thảo, lâu nay vẫn gọi lầm là núi Khán hoặc núi Nùng. Núi Nùng vốn còn gọi là núi Long Đỗ (nghĩa là Rốn Rồng), tương truyền vua Lý Thái Tổ đã dựng chính điện ở trên núi này. Núi và điện nay không còn nhưng vết tích thì vẫn được bảo lưu, hiện nằm giữa thành Hà Nội (khu quân sự). Núi Khán vốn ở vào khoảng trước Phủ Chủ tịch bây giờ, đã bị Pháp san bằng hồi cuối thế kỷ XIX. Ngoài ra trong khu vực các làng Vĩnh Phúc, Liễu Giai, Đại Yên, Vạn Phúc nằm giữa đường Đội Cấn và đường Hoàng Hoa Thám có những núi đất khác: núi Cung, núi Cột Cờ, núi Voi (còn gọi là núi Thái Hòa), núi Trúc, núi Bò. Còn kể cả vùng mới mở rộng thì Hà Nội nay còn có ba vùng núi tập trung theo kiểu sơn hệ: vùng núi Ba Vì, vùng núi Thập Lục Kỳ Sơn và vùng núi Nuong Ngái - Hương Sơn...

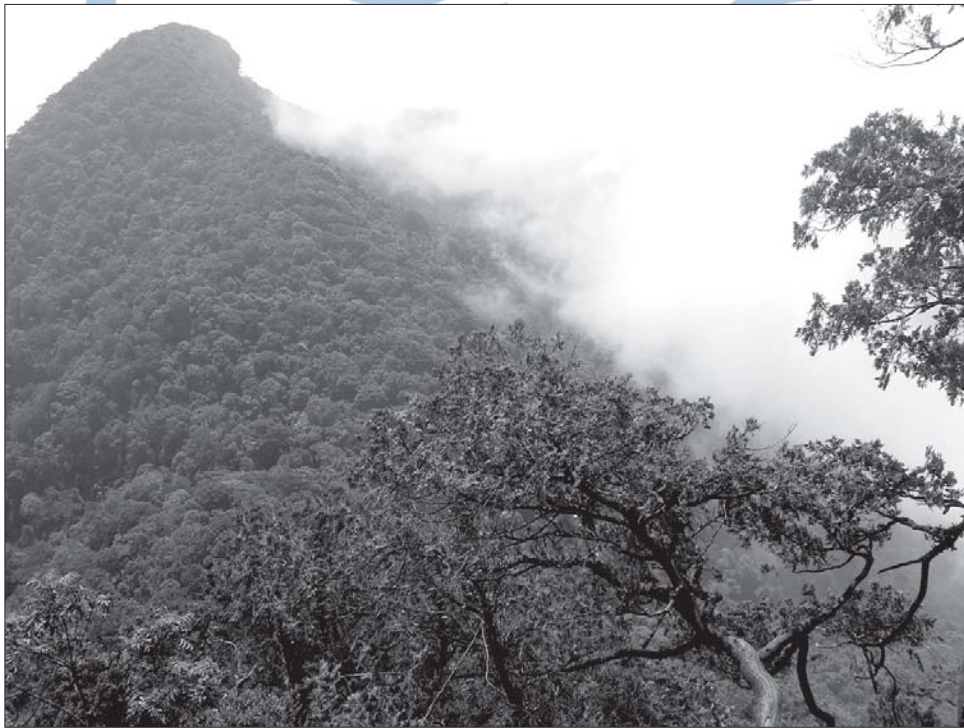
• VÙNG NÚI BA VÌ

Với diện tích khoảng 7.000 ha, Ba Vì là một vùng sinh thái hoàn chỉnh, chủ yếu gồm các xã Ba Vì, Minh Quang và khu vườn quốc gia Ba Vì.

Núi còn có tên Tản Viên, vươn cao ba ngọn, ngọn cao nhất 1281m, giữa hơi thất cổ bông, trên xòe như cái tán nên gọi là đỉnh Tản Viên, còn có tên là Đỉnh Vua hay Đỉnh Ông. Ngọn phía Đông tục gọi là đỉnh Ngọc Hoa hay núi Bà cao 1220m và đỉnh phía Tây cao 1120m. Sườn phía Đông thoải thoải, sườn phía Tây dốc ngược. Trên núi có hang Hùm ở độ cao 840m,

hang Da Dê ở độ cao 705m. Các thác nước lớn như Ao Vua ở phía Bắc cao 25m, thác Hương phía Đông Bắc cao 20m. Các suối Ổi, Mít, suối Xoan, đặc biệt có Khoang Xanh với dòng suối Tiên dài gần 7km với hồ Thiên Nga và hòn đá hình Rùa.

Địa hình gò đồi dưới chân và bao quanh núi Ba Vì có dạng bát úp, như đồi Vai cao 113m là quả đồi lớn nhất vùng, trấn mạn Đông Bắc; dãy đồi lượn sóng thuộc xã Xuân Sơn nối tiếp theo nhau như đàn rùa đang chạy tạo nên dãy đồi Đùm, truyền thuyết dân gian cho là Sơn Tinh gánh đất đắp thành lũy chống Thủy Tinh bị đứt quai, lọt sọt đã đánh rơi đất ra đây (*Đồi Đùm đứt quai, đồi Vai lọt sọt như thế*).

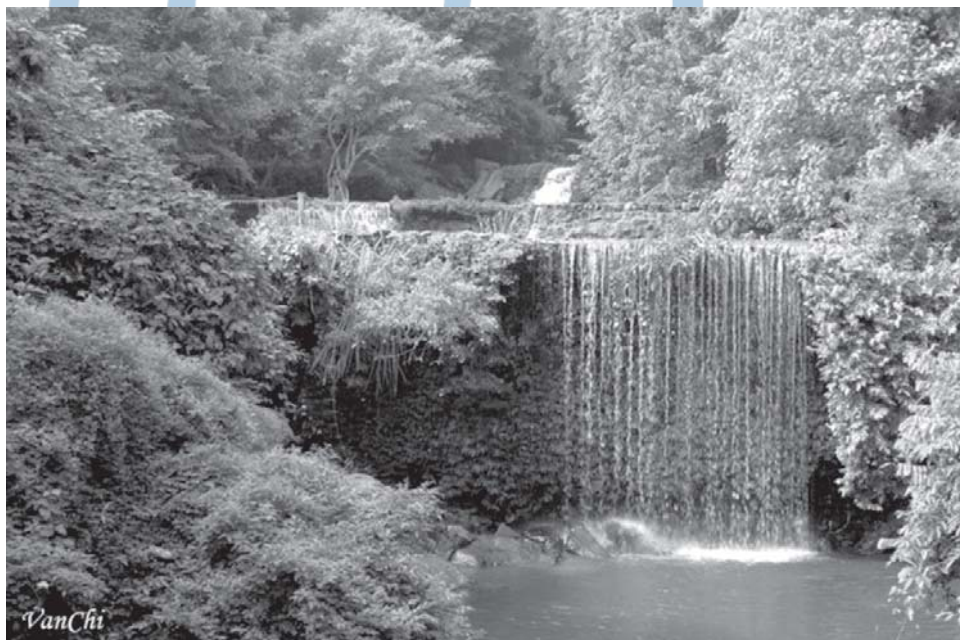


Núi Ba Vì. (Ảnh: Internet)



Do xâm thực của các dòng nước chảy từ trên Tản Viên xuống như thác trong mùa mưa mà vùng đồi này đã bị cắt xẻ ra thành nhiều khe sâu ở các xã Thụy An và Tản Lĩnh, nay những khe sâu này hợp thành đầm Đương trong lòng hồ Suối Hai.

Để giải thích sự hình thành của đồi gò, núi sót quanh chân núi Ba Vì, người xưa đã huyền thoại hóa các phen lũ lụt thành những trận thủy chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Chuyện kể rằng đại quân của Thủy Tinh từ Tây Bắc theo dòng sông Đà đánh mạnh vào sườn Tây Nam núi Tản làm núi sạt đất lở thành những ngòi Tôm, đầm Mom, đầm Mít, đầm Sui ở xã Minh Quang; nhấn chìm các vùng đất này thuộc các xã Thuần Mỹ, Sơn Đà, Tòng Bạt dưới làn nước mênh mông. Để chống lại thủy quái, Sơn Tinh phải



Khoang Xanh. (Ảnh: Internet)

gánh hai quả núi đá, một đem đặt chặn phía trước ngôi Tôm nay là núi Chẹ 136m, một đặt xuống dòng nay là núi Chẹ Đùng hay núi Đá Chèm. Cả hai quả núi đều hơi nghiêng về phía Tây Nam. (Hòn Chẹ Đùng có hình dáng như ngôi nhà thờ đạo Gia-Tô nên người Pháp trước đây gọi là hòn “Nhà thờ Đức Bà”). Phía dưới núi Chẹ là bãi đá vụn được coi là “hạt com rơi” do Sơn Tinh đánh rơi quân lương trong khi giao chiến. Vùng núi này, theo khảo sát của Vườn quốc gia Ba Vì (là vùng bảo tồn thiên nhiên có nhiều hệ động thực vật quý hiếm. Về thực vật có nhiều tập đoàn cây nhiệt đới, á ôn đới, gồm 55 đến 80 họ) hơn 780 loài. Trong đó, có hơn 200 loại dược liệu quý, hàng trăm loại rau rừng và quần thể phong lan quý hiếm. Có những loài thực vật, gỗ quý như bách xanh, thông đỏ, sâm bông, lát hoa, chò chỉ, tấu, sến phỉ ba mũi, thông tre, dâu hùm, hoa tiên... Ngoài hệ cây rừng tự nhiên, vùng núi Ba Vì đã có vốn rừng trồng hàng ngàn ha với hệ cây trồng phong phú tạo nên vốn rừng hàng tỷ đồng. Một hệ động vật đa dạng, riêng về chim đã có 114 loài, thuộc 44 họ, 17 bộ và nhiều loài thú: gấu, chồn, cáo, tê tê, sóc... Hiện nay, từ độ cao 600m trở lên là rừng tự nhiên nhiều tầng, trùng điệp đa dạng sắc thái. Từ độ cao 400m khí hậu ôn hòa, nhiệt độ trung bình cả năm hơn 20°C, giữa mùa hè chỉ 18°C. Trước kia, người Pháp đã từng xây dựng hàng trăm ngôi biệt thự nghỉ mát khiến nơi đây được coi như một Đà Lạt của Bắc kỳ (ngày nay, đa phần





Ao Vua. (Ảnh: Internet)

những ngôi biệt thự và không gian ấy đã bị phá trong chiến tranh).

Về khoáng sản ở vùng này có vàng sa khoáng trữ lượng khá, quặng amiăng, quặng pyrite trữ lượng lớn đang khai thác và nhiều loại đá quý, đá xây dựng rất có giá trị.

Xung quanh vùng núi Ba Vì đang có những đơn vị kinh tế lớn: vườn quốc gia Ba Vì, viện Lâm sinh, Công ty Phát triển khoáng sản, Trung tâm Giống quốc gia: bò, gà, thuốc lá, cỏ, chè... Về du lịch có Công ty Du lịch Ba Vì, Du lịch thủy sản Suối Hai, Nhà nghỉ Công đoàn, nhà nghỉ Vườn quốc gia và các công ty TNHH Hương Rừng, Khoang Xanh, Suối Mơ, Hương

Ồi... Riêng du lịch Ao Vua - Hương Rừng đã có hàng chục phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế, có thể tổ chức những hội nghị, hội thảo lớn mang tầm cỡ quốc gia.

- VÙNG NÚI THẬP LỤC KỲ SƠN

Vùng núi đá vôi Sài Sơn - Tử Trầm ở Quốc Oai và Chương Mỹ có tên cũ là Thập Lục Kỳ Sơn. Quần thể núi đá này có chân đế rộng đã bị phù sa sông Đáy phủ lấp phần lớn. Nó gồm các núi ở xã Hoàng Ngô ở huyện lỵ Quốc Oai, lên xã Sài Sơn, qua xã Phương Cách, xuống xã Yên Sơn, Vân Côn, vào đến xã Phụng Châu. Mỗi ngọn đều có một tên riêng, gắn liền với



*Động Hoàng Xá
thuộc dãy Thập Lục
Kỳ Sơn ngày nay.
(Ảnh: Internet)*

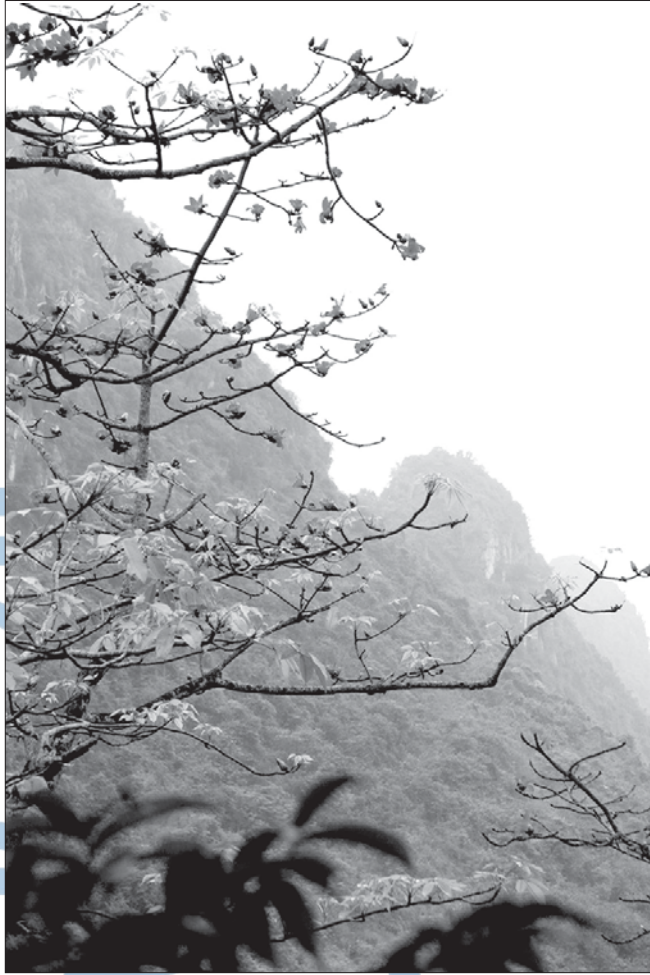


hình dáng và đặc điểm của địa hình như Sài Sơn, Hoàng Xá, Phượng Hoàng, Cánh Gà, Con Cóc Cù Sơn, Mã Yên, Lân Sơn, Hoa Phát... Nhưng đáng tiếc là Thập Lục Kỳ Sơn nay không còn đủ vẹn, chỉ có tám ngọn thôi, còn tám ngọn đã hoàn toàn biến khỏi mặt đất là núi Cánh Gà, núi Thìn, núi Chùa, núi Bồ Nông, núi Hương, núi Mỏm Vọ, núi Quán Sáo và núi Con Cóc do bao đời đã khai thác đá. Cụm núi sót này còn ăn xuống xã Phụng Châu, qua Đồng Lư đến Tử Trâm. Xã Phụng Châu thuộc huyện Chương Mỹ, một đầu là thôn Phượng Nghĩa, đầu kia là thôn Long Châu, ở giữa là thôn Phượng Bản.

- VÙNG NÚI ĐÁ VÔI NUONG NGÁI - HUONG SON

Vùng núi Karst này là một nhánh của vùng Karst từ suối Rút, tỉnh Hòa Bình chạy ra đến hòn Nẹ ở ngoài khơi huyện Kim Sơn - Ninh Bình, dài trên 120km, bề ngang chiếm toàn bộ vùng trũng sông Đà, rìa sông Đà là sông Tích và sông Đáy.

Hai dãy Nuong Ngái - Hương Sơn chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, dài trên 30km, làm ranh giới giữa hai tỉnh Hòa Bình và Hà Nội (mới) ở địa phận huyện Mỹ Đức, bắt đầu từ Miếu Môn xuống đến xã Hợp Tiến. Đường 73 vào Chợ Bến đi qua Nuong Ngái và Hương Sơn. Dãy Hương Sơn thì từ đây xuống hết ranh giới phía Nam của thành phố. Dãy Nuong Ngái dựng đứng như một bức tường thành, ruộng ăn sát vào tận chân núi. Mạc Đăng Dung đã sử dụng thế



*Dãy núi Nương Ngái –
Hương Sơn.
(Ảnh: Internet)*

hiếm yếu xây ở đây một tòa thành, nay còn gọi là thành nhà Mạc.

Vùng này được cấu tạo chủ yếu bằng đá vôi với các đỉnh núi thường chỉ ở độ cao 100 đến 300m. dãy núi Rạng tức Nương Ngái có hai đỉnh cao 281 và 233m. Dãy Hương Sơn có đỉnh Thiên Trù cao 378m, toàn thể hai dãy núi rộng khoảng 5.770 ha. Vùng núi này vốn nhiều mưa, nước mưa chảy qua bề mặt uốn nếp của các dãy núi, một phần chảy xuống chân núi thành suối Yên và sông Thanh Hà, một phần thấm sâu vào lớp đá vôi theo các khe nứt, xâm thực mạnh



làm đá nứt nẻ, lở chỏm thành đá tai mèo, tạo nên những đỉnh núi đá nhọn hình răng cưa bao quanh các thung. Nơi đây có tới gần trăm hòn núi đá vôi như thế, hình dáng thật kỳ quái như núi Tượng, núi Sư Tử, núi Hàm Long, núi Trống, núi Chiêng, núi Gà, núi Yên Ngựa. Nước mưa còn đào lòng đá vôi thành nhiều hang động hoặc ngang dọc, hoặc thẳng đứng như hang Dơi, hang Rắn, như các động đá Trượt, Linh Sơn, Bồng Lai, Tiên Cảnh, Ngọc Long... Trong các hang động, vôi trên trần rủ xuống thành thạch nhũ, dưới đất mọc lên thành những mảnh đá, nhiều cái tạo ra những hình Phật, hình người, hình long, ly, quy, phượng, hổ, báo, chim muông. Dãy Hương Sơn nổi tiếng nhờ thế. Hương Sơn có trên 15 động và chùa nổi tiếng. Diện tích tự nhiên của Hương Sơn là trên 3.000ha nhưng đã bị xẻ thành phểu đá, hố thụt, tách khối núi cũ ra thành những núi sót rải rác giữa những thung lũng tròn. Vào động Hương Tích nhìn xuống lòng động, ta thấy ở dưới là hai lũng được nối liền với nhau và vách núi đã cũ đã thành một núi đá vôi sót lại. Ở Nương Ngái và Hương Sơn, người ta quen gọi đèo qua núi là quèn và lũng, giữa các núi là các thung - Thung mơ Hương Tích!

Dãy Hương Ngái - Hương Sơn còn có một vai trò quan trọng nữa là có một thảm rừng bao phủ với nhiều loại thực vật, động vật quý hiếm. Không chỉ vậy, nó còn là một “đập” tự nhiên giữ nước cho các cánh đồng trong vùng. Dưới chân núi là một hệ thống



Chiều về trên hồ Quan Sơn. (Ảnh: Internet)

hồ, diện tích 1050 ha, tên gọi chung là hồ Quan Sơn gồm có hồ Giang Nội, hồ Ngái và hồ Thung Cống. Hồ Quan Sơn có tác dụng chắn lũ, điều tiết lũ quét và dự trữ nước cho huyện Mỹ Đức. Ngoài ra, hồ còn nuôi trồng thủy sản và cũng là một điểm du lịch đẹp. Hồ tràn qua cầu Dậm trên đường 37 và giữa hồ còn có hang động.

Ngoài ba vùng núi trên, còn có những cụm núi lẻ rải rác ở phía Tây như:

- ❖ **Núi Câu Lộ:** Còn gọi là núi Tây Phương, núi Trâu ở xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất. Trên núi có chùa Tây Phương nổi tiếng. Cạnh núi này còn có cả những núi đất như Lôi Âm, núi Nứa.
- ❖ **Núi Tử Trâm:** Núi nằm ở xã Phụng Châu, huyện Hoài Đức. *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “Giữa đất





Chùa Tây Phương trên núi Câu Lậu. (Ảnh: Hoài Hương)



Chùa Trầm trên núi Tử Trầm. (Ảnh: Hoài Hương)

bằng nổi lên mấy ngọn, đá cao chót vót, dưới có động, trên có chùa Vô Vi, núi nước quanh nhau. Xưa, vua Lê dựng hành cung ở đây, đào hồ ở ven núi để tiện đi thuyền, vì thế gọi là núi Long Châu, Phụng Châu. Trên núi có đá âm và đá dương, tương truyền khi nào đá dương kêu thì trời nắng, đá âm kêu thì trời mưa”. Trong hang Trâm có một số tượng đá tạc khoảng thế kỷ XVII.

- ✧ **Núi Mã:** Còn gọi là núi Tiên Lữ ở xã Tiên Phương, huyện Hoài Đức, cao 50m. Trên có chùa Trăm Gian nằm giữa những cây trám cổ thụ, đặc biệt có vài chục gốc thông già vài trăm tuổi xòe tán rộng che mát cả ngọn núi.



Chùa Trăm Gian trên núi Mã. (Ảnh: Hoài Hương)



❖ **Núi Thanh Tước:** Núi cao 59m, ở xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh. Đây là nơi quận Hỏ Nguyễn Danh Phương nổi dậy lập làm tiền đồn chống triều Lê. Vùng này còn lưu truyền câu tục ngữ: *“Ba làng Kẻ Đám (Đạm Nội, xã Tiên Châu), tám làng Kẻ He (Xuân Phương, xã Phúc Thắng) không đánh nổi quận quê núi Thanh Tước”*.

SÔNG

Hà Nội có nhiều sông lớn. Đó là:

- **SÔNG HỒNG**

Bắt nguồn từ dãy Ngụy Sơn ở độ cao 1.776m thuộc huyện Nhị Đô, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, sông chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam vào Việt Nam từ Hà Khẩu - Lào Cai và chảy ra vịnh Bắc bộ ở cửa Ba Lạt (Nam Định).

Sông này vào Hà Nội từ xã Phong Vân, huyện Ba Vì, đến xã Quảng Lãng, huyện Phú Xuyên, dòng dài trên trăm km, có lưu lượng nước bình quân hàng năm rất lớn, tới 2.640m³/s với tổng lượng nước chảy qua tới 83,5 triệu m³

Lũ sông Hồng chủ yếu do lũ các phụ lưu chính là sông Đà và sông Lô gây nên. Mỗi năm, mùa lũ kéo dài khoảng 5 tháng (6-10 dương lịch). Tháng có lưu lượng bình quân lớn nhất là tháng 8, lượng nước



Sông Hồng. (Ảnh: Hoài Hương)

bằng 15% tổng lượng cả năm và bằng cả 7 tháng mùa cạn (từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau). Tháng có lưu lượng nhỏ nhất là tháng 3.⁽¹⁾ Sông Hồng mang theo lượng phù sa rất phong phú, trung bình 100 triệu tấn/năm.

Đê sông Hồng được đắp từ năm 1108, có thể là từ Nghi Tàm đến Đông Nhân, gọi là đê Cơ Xá. Ngày nay, sông Hồng ở Việt Nam có 1,276km đê ở cả hai bên tả, hữu ngạn. Độ cao mặt đê ở tại Hà Nội là trên 14m. Sông Hồng góp phần quan trọng trong sinh hoạt đời sống cũng như trong sản xuất. Phù sa giúp cho đồng ruộng thêm màu mỡ, đồng thời bồi đắp và mở rộng vùng châu thổ. Nguồn cá bột của sông Hồng

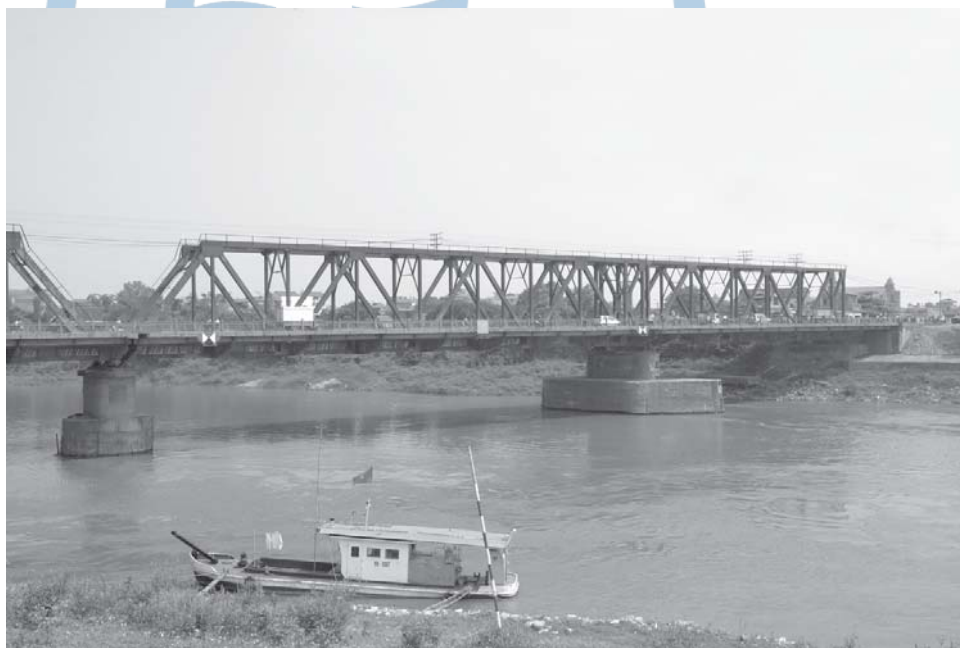
⁽¹⁾ Mức nước báo động ở sông Hồng tại Hà Nội là: báo động số 1 = 9,5m; báo động số 2 = 10,5m; báo động số 3 = 11,5m.



cung cấp cá giống đáng kể cho nghề nuôi cá nước ngọt ở đồng bằng sông Hồng. Nhưng vào mùa lũ thì sông Hồng đã gây ra nhiều thảm họa và từ ngàn xưa nhân dân đã phải nghĩ cách đắp đê chế ngự lũ lụt.

- SÔNG ĐUỐNG

Đây là phân lưu của sông Hồng, dài 65km, nối liền 2 con sông lớn của miền Bắc là sông Hồng và sông Thái Bình. Lượng nước do sông Đuống cung cấp cho sông Thái Bình tại Phả Lại bằng 65% tổng lượng dòng chảy. Trong mùa lũ, sông Đuống đã tiêu khoảng 23% nước lũ sông Hồng, hàng năm cũng vận chuyển một lượng nước là 27,3 triệu m³ với lưu lượng bình quân 861m³/s. Lòng sông Đuống rộng trung bình mùa cạn 200-250m, mùa lũ 600 - 800m, độ sâu trung bình 6-7m, mùa lũ 9-12m.



Sông Đuống. (Ảnh: Hoài Hương)

Sông Đuống tách từ sông Hồng ở thôn Bắc Cầu, xã Ngọc Thụy (Gia Lâm) chảy về phía Đông đến xã Yên Thường ngoặt về phía Đông Nam qua các huyện Gia Lâm (Hà Nội) và Tiên Sơn, Thuận Thành, Gia Lương (Bắc Ninh) đổ vào sông Thái Bình ở Đại Than, gần Phả Lại. Đoạn chảy qua dài 17,5km.

Sông Đuống còn có các tên cổ là sông Thiên Đức, sông Đông Ngàn, sông Bắc Giang. Đoạn chảy qua Thuận Thành còn gọi là sông Lạc Thổ, đoạn gần Phả Lại gọi là sông Đại Than.

- SÔNG TÔ LỊCH

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* (thế kỷ XIX) “là phân lưu của sông Nhị chảy theo phía Bắc tỉnh thành vào cửa cống thôn Hương Bài (nay là khu vực đầu phố Đào Duy Từ - N.V.P) chuyển sang phía Tây đến xã Nghĩa Đô ở phía Đông huyện Từ Liêm và các tổng huyện thuộc huyện Thanh Trì, quanh co gần 60 dặm, rồi đổ vào sông Nhuệ”.

Sông Tô Lịch là một sông cổ của Thăng Long. Ngày trước, hai bên bờ buôn bán sầm uất, trên bến dưới thuyền. Khách buôn từ mạn Bắc xuống qua cửa khẩu Hà Khẩu vào sông Tô, từ phía Nam ra có thể qua sông Đáy, sông Nhuệ, vào kinh thành cũng bằng sông này. Từ khi bị lấp (1886), sông chỉ còn là dòng thoát nước thải của thành phố, ô nhiễm nặng.



- SÔNG NHUỆ

Còn gọi là sông Từ Liêm, bắt nguồn từ gần đầm Bát Lang, xã Hạ Mỗ (Đan Phượng) chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Song đoạn này bị cạn, chia thành nhiều khúc nên đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã cho đào từ chỗ giáp ranh hai làng Liên Mạc - Chèm một khúc sông (gọi là kênh cũng được) thẳng tắp xuống Cổ Nhuế rồi nhập vào dòng Nhuế cũ. Nay sông Nhuế từ cửa Liên Mạc qua một số huyện của Hà Nội, Hà Tây cũ và Hà Nam tới tận Phủ Lý rồi hòa nước vào sông Đáy. Đoạn chảy trên đất Hà Nội dài gần 70km. Các làng ven sông đều có truyền thống bơi thuyền giỏi, thường mở hội đua chài vào mùa xuân. Trung tâm của hội bơi thuyền tại Hà Nội là làng Đăm, nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm. Tại đây còn một khúc sông cũ gọi là sông Pheo dài 1km, rộng vài chục mét, thường làm nơi tổ chức hội bơi Đăm.

- SÔNG KIM NGƯU

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* thì sông này chính là một nhánh của sông Tô Lịch từ phường Yên Lãng chảy theo đường La Thành qua cổng Nam Đồng (Ô Chợ Dừa), Phương Liệt (quận Đống Đa), tới xã Thịnh Liệt thông với sông Sét, qua các xã Yên Sở, Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp, Đông Mỹ (huyện Thanh Trì) rồi chảy vào huyện Thường Tín, nhập vào sông Nhuế. Đó là dòng chính. Còn có nhiều nhánh khác chảy miên man trong quận Hai Bà Trưng và huyện Thanh Trì

song tác dụng chủ yếu ngày nay là đường thoát nước thải của nội thành.

- SÔNG CÀ LỒ

Trước kia là một nhánh của sông Hồng, tách ra từ xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc. Sau do phù sa bồi lấp và vào năm 1900, chính quyền thực dân đã đắp bốt cửa sông nên ngọn nguồn của sông Cà Lồ ngày nay là xã Vạn Yên, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc, cách bờ sông Hồng tới vài trăm. Sông Cà Lồ cực kỳ vòng vèo, nhận nước của nhiều sông suối từ dãy Tam Đảo chảy xuống như sông Ba Hanh, suối Cheo Meo, sông Cao Thông... Sông từng là ranh giới tự nhiên của các huyện Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh... tới xã Thụy Lâm, sông chảy lên hướng Bắc làm ranh giới giữa Sóc Sơn với tỉnh Bắc Ninh, đến thôn Lương Phú, cuối xã Việt Long thì đổ vào sông Cầu ở ngã ba Xà (sông Cà Lồ vốn có tên là sông Bình Lỗ và Nguyệt Đức, tên Nguyệt Đức là do sông Cà Lồ đổ vào sông Cầu mà sông Cầu cũng có tên là Nguyệt Đức).

Lưu lượng bình quân của sông Cà Lồ $30\text{m}^3/\text{s}$ do nguồn nước chủ yếu chỉ là các sông suối của Tam Đảo và Sóc Sơn. Về mùa mưa, cao nhất cũng chỉ tới $268\text{m}^3/\text{s}$. Mùa cạn không đầy $0,1\text{m}^3/\text{s}$, nhiều chỗ lội qua được. Phù sa không đáng kể. Tác dụng chủ yếu của sông là tiêu úng trong mùa mưa. Đầu nguồn, từ Vạn Yên đến thị trấn Phúc Yên đã được đắp chặn lại



ở gần thôn Đại Lải, biến khúc sông này thành hồ chứa nước và nuôi cá.

- SÔNG CẦU

Bắt nguồn từ miền núi Chợ Đồn (Bắc Cạn) chảy qua các thị xã Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, thị trấn Đáp Cầu đến Phả Lại nhập với sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống ở Lục Đầu Giang thành sông Thái Bình, đổ ra biển Đông ở cửa Thái Bình. Sông dài 288km, đoạn vào địa phận Hà Nội khoảng 23km từ xã Bắc Sơn đến xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, làm ranh giới giữa huyện này với tỉnh Thái Nguyên và Bắc Ninh. Có hai phụ lưu lớn là sông Công và sông Cà Lồ. Mùa mưa, lưu lượng cao nhất là 3,5m³/s. Ảnh hưởng thủy triều lên tới ngã ba sông Công. Lũ lên nhanh song cũng rút nhanh, ít phù sa. Tác dụng chủ yếu của sông là cung cấp nước tưới cho phần đất phía Đông huyện Sóc Sơn.

Đoạn sông Cầu, chỗ hợp lưu với sông Cà Lồ còn có tên là sông Nguyệt Đức hoặc Minh Giang. Đây cũng là sông Như Nguyệt - nơi Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến chống quân Tống năm 1077.

- SÔNG THIẾP

Sông dài 21km, từ phía Nam huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) thông với đầm Vân Trì (xã Vân Nội, huyện Đông Anh) rồi bao quanh thành Cổ Loa, qua xã Dục Tú chảy sang huyện Yên Phong và Từ Sơn (Bắc Ninh) rồi đổ vào sông Cầu.

Các sông ở Hà Nội có thủy chế theo hai mùa rõ rệt: mùa lũ thường kéo dài 5 tháng, từ tháng 6 đến tháng 10, cao nhất là tháng 8. Trên sông Hồng mực nước trung bình của tháng 8 lên đến 8,6m trong khi mực nước trung bình cả năm có 4,97m, đặc biệt vào mùa lũ lịch sử năm 1971 mực nước cao nhất đo được ở Hà Nội là 14,14m (ngày 22/8/1971). Mùa cạn thường kéo dài hơn, tới 7 tháng, từ tháng 11 đến tháng 5, với mực nước thấp nhất vào tháng 3. Ngoài ra, Hà Nội cũng còn một số sông nhỏ khác là:

- SÔNG CẦU BÂY

Sông bắt đầu từ vùng đầm Lẻ Mật, Ô Cách, xã Việt Hưng, huyện Gia Lâm, chảy qua các xã Gia Thụy, Thạch Bàn nối với sông Đại Bi cũ - vốn là một chi lưu của sông Hồng, từ xã Bát Tràng chảy qua Đa Tốn, Kiều Ky - rồi hợp với sông Nghĩa Trụ và các kênh mương của công trình thủy nông Bắc Hưng Hải.

- SÔNG BÁ HẠ

Sông bắt nguồn từ suối Nhảy Nhót cạnh xã Ngọc Thanh, huyện Mê Linh, sông Bá Hạ chảy tới xã Cao Minh gặp sông Ba Hanh từ hồ Đại Lải chảy ra, cùng hợp vào sông Vực Thuyền hay sông Cánh rồi đổ vào sông Cà Lồ ở xã Nam Viêm, Mê Linh, dài 8km. Lưu lượng dòng chảy nhỏ, chỉ có lũ đột xuất vài hôm, sau những trận mưa lớn ở dãy núi Tam Đảo.



- SÔNG THANH HOA

Đây là một nhánh con của sông Công. Sông Thanh Hoa dài khoảng 10km đưa nước từ chân núi Chân Chim, xã Nam Sơn đổ vào sông Công ở xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn.

- SÔNG BẦU

Sông chảy từ núi Chân Chim qua các xã Minh Phú, Hiền Ninh, Minh Trí, huyện Sóc Sơn rồi xuôi xuống huyện Mê Linh dài hơn 10km.

- SÔNG ĐÔNG LẠNH

Con sông này cũng xuất phát từ núi Chân Chim, sông chảy về xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn dài 4km rồi nối với hệ thống thủy nông hồ Đại Lải.

- SÔNG CHEO MEO

Sông này bắt nguồn từ chân núi Lục Dinh chảy xuôi xuống phía Nam qua xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn rồi đổ vào sông Cà Lồ ở xã Nam Viêm huyện Mê Linh, dài khoảng 10km.

Từ khi mở rộng, Hà Nội có thêm sông Đà, sông Đáy, sông Tích và một số sông con khác:

- SÔNG ĐÀ

Sông Đà còn gọi là sông Bờ hay Đà Giang, là ranh giới tự nhiên phía Tây Bắc tỉnh Sơn Tây cũ, từ núi Chẹ đến Trung Hà, dài khoảng 32km. Sông Đà phát

nguyên từ Cảnh Đông ở Vân Nam (Trung Quốc).

Quãng sông Đà qua đất Sơn Tây là quãng mà Lê Quý Đôn viết: “Đà Giang độc Bắc lưu”, có nghĩa là sông Đà một mình chảy lên phía Bắc, vì từ Tây Bắc, sông đổ về theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, song song với sông Hồng, đến thị xã Hòa Bình thì gặp một đường đứt gãy sâu hình khuyết ở bên dưới, khiến dòng sông phải quay lên hướng Bắc và đổ vào sông Thao trước khi hợp thủy với sông Lô ở Ngã ba Hạc. Trong dân gian có câu: “*Nhất thác Bờ, nhì ghềnh Bọ*”; thác Bờ thuộc tỉnh Hòa Bình, còn ghềnh Bọ là quãng sông Đà ở giữa La Phù bên đất Thanh Thủy (Phú Thọ) và Sơn Đà (Ba Vì) - là nơi núi Hùng Nhĩ, đoạn cuối của mạch Hoàng Liên Sơn hùng vĩ từ Tây Bắc đổ về, nhô ra trên lòng sông - làm thành ghềnh Bọ, rất



Sông Đà. (Ảnh: Internet)



nguy hiểm cho thuyền bè xuôi ngược. Cũng vì vậy mà từ lâu dân gian còn lưu truyền thêm câu: “*Ngược sông Đà, chớ qua ghềnh Bợ*” và trong sự tích Sơn Tinh - Thủy Tinh, ghềnh Bợ coi là hang ổ mai phục của tướng *giải* ẩn mình để gây họa cho nhân gian.

• SÔNG ĐÁY

Sông Đáy có tên là Hát Giang, một phân lưu bên bờ phải của sông Hồng tại Hát Môn (tức Ngã ba Hát) và là phân lưu thứ hai sau Ngã ba Hạc. Đây là nơi Hai Bà Trưng lập đàn tế trời đất trước khi kéo quân đi đánh Tô Định. Đời Lê Trịnh gọi là sông Sinh Quyết.

Về thủy văn, Ngã ba Hát cũng là điểm xung yếu nên năm 1460, Lê Thánh Tông đã cho đắp đê quai từ Phùng chạy qua Thượng Mỗ và năm 1934 thực dân đã cho xây đập Đáy để mong điều tiết lũ sông Hồng.

Dòng sông Đáy chảy theo hướng của một đường đứt gãy sâu từ Việt Trì xuống đến cửa Đáy đổ ra biển. Phù sa ven sông Đáy đã làm mọc lên bao làng quê trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa, trên hai bờ sông từ Đan Phượng xuống Mỹ Đức có thể trồng hàng ngàn ha dâu.

• SÔNG TÍCH

Sông Tích bắt nguồn từ sườn phía Đông Bắc núi Ba Vì đổ vào khúc giữa hai xã Cẩm Lĩnh và Thụy An. Đây là lối thoát nước chính của vùng núi Ba Vì, tất cả

nước mưa ở sườn núi phía Đông Bắc đều đổ dồn vào đây, vì vậy sông Tích xâm thực miền chân núi làm thành những mặt bằng, ở trên ấy dòng sông chảy uốn lượn quanh co như ở châu thổ. Nhưng đến thời tân kiến tạo, mặt đất đã già ấy được nâng lên làm cho lòng sông lại dốc mạnh và phải xâm thực trở lại và đào lòng cũ xuống sâu qua một chu kỳ thứ hai. Nhưng vì đất đã cứng lại thành đá ong nên dòng sông không có bãi, không bên lở bên bồi như những sông bình thường ở đồng bằng mà bờ dốc thẳng đứng như sông miền núi. Con sông như thế là sông đã già, song do mặt đất được nâng lên mà trở lại và đào sâu lòng cũ; đó là hiện tượng mà địa hình học gọi là trùng xâm, nghĩa là xâm thực trở lại một chu kỳ thứ hai trên lòng sông nguyên thủy làm cho sông có dạng địa hình già - uốn khúc quanh co - nhưng có đặc điểm trẻ - đào lòng sâu xuống. Sông Tích đã trải qua một lịch sử như vậy và là kết quả của một quá trình trùng xâm rất hiếm có trong các sông ngòi nước ta.

Về đến Xuân Mai, sông Tích gặp sông Bùi từ Lương Sơn (tỉnh Hòa Bình) đổ vào. Đoạn này còn gọi là sông Bùi.

• SÔNG ĐÀM LONG

Sông Đầm Long do những suối từ sườn Bắc dãy Ba Vì đổ xuống tạo thành một cái đầm rộng lớn có hình thù như con rồng uốn khúc, giữa có hòn đảo gọi là Mắt Rồng rộng hàng chục ha, rừng cây xanh tốt, có



nhều chim, thú hiếm gọi là rừng Cấm. Sông Đầm Long từ thôn Bằng Tạ, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì có nối với hồ Suối Hai - chảy qua xã Vật Lại rồi thành đầu nguồn của sông Tích.

- SÔNG HANG

Sông Hang do các con suối nhỏ từ sườn đông núi Ba Vì tạo nên, từ xã Vân Sơn chảy về hướng Đông đến xã Trung Sơn Trầm (nay đều thuộc thị xã Sơn Tây) thì nhập vào sông Tích, dài 15km.

ĐÀM HỒ

Hà Nội từng được coi là thành phố của sông hồ. Có điều gần đây việc đô thị hóa đã làm đầm hồ bị thu hẹp, thậm chí một số đã bị lấp để xây nhà. Tại nội thành vốn có ba hồ nổi tiếng là hồ Tây, hồ Trúc Bạch, hồ Guom thì trừ hồ Guom ra, hai hồ kia cũng đang bị lấn bờ. Tuy nhiên đó vẫn là những hồ đẹp.

- HỒ TÂY

Hồ Tây rộng tới trên năm trăm ha. Ngành địa lý đã chứng minh rằng hồ là một đoạn sông Hồng cũ còn sót lại khi sông đã đổi dòng. Có thể do biến đổi như vậy mà đã xuất hiện nhiều truyền thuyết về hồ và tên gọi của hồ. Ví như theo truyện *Hồ tinh* thì hồ có tên là hồ *Xác Cáo* vì truyện kể là có con cáo chín đuôi ẩn nấp nơi đây làm hại dân. Long Quân mới



Hồ Tây. (Ảnh: Internet)

dâng nước lên phá hang cáo, hang sập thành ra hồ. Theo truyện *Khổng Lô đúc chuông* thì hồ lại có tên là *Trâu Vàng*. Truyện kể rằng ông Khổng Lô có tài thu hết đồng đen của phương Bắc, đem đúc thành chuông. Chuông đánh lên tiếng vang sang bên Bắc. Vì đồng đen là mẹ vàng nên con trâu vàng phương Bắc nghe tiếng chuông liền vùng đi tìm mẹ. Tới đây, nó quần mãi đất khiến đất sụt thành hồ. Đó là những tên theo truyền thuyết. Còn theo thư tịch thì thế kỷ XI, hồ này đi vào lịch sử với tên là *Dâm Đàm* (đầm Mù sương). Tới thế kỷ XV thì lại đã gọi là *Tây Hồ*. Ngoài ra hồ còn có tên là *Lãng Bạc* nhưng chắc chắn hồ không phải là nơi diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân của Hai Bà Trưng và quân Hán, địa điểm



Lãng Bạc ấy là vùng Tiên Du, Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(Song nếu hiểu *lãng bạc* là *hồ có sóng lớn* thì hồ Tây cũng là một lãng bạc!)

Hồ Tây từ lâu đã là thắng cảnh. Đời Lý - Trần, các vị vua đã lập quanh hồ nhiều cung điện làm nơi nghỉ mát. Hiện nay quanh hồ còn 61 đình, chùa, đền, phủ rất đáng tham quan.

- HỒ TRÚC BẠCH

Hồ vốn là một phần của Hồ Tây. Thế kỷ XVII do đắp đê Cố Ngự mà bị tách ra. Đê Cố Ngự sau đợc



*Hồ Trúc Bạch.
(Ảnh: Hoài Hương)*

chêch là Cổ Ngư. Năm 1958, các tầng lớp thanh niên Thủ đô đã tham gia đắp rộng đường này. Ngày 16/10/1958, Bác Hồ đến thăm công trường và đặt tên là đường Thanh niên.

Bờ hồ phía Nam xưa có làng Trúc Yên. Chúa Trịnh Giang (1729-1740) có cho xây một cung điện gọi là Trúc Lâm viện, sau thành nơi an trí của các cung nữ phạm lỗi. Họ lấy nghề dệt lụa để sinh sống. Lụa đẹp, dân ưa dùng, gọi là lụa làng Trúc (chữ Bạch theo Hán tự có nghĩa là lụa) do đó mà thành tên hồ. Hồ có một đảo nhỏ, trên có đền Cầu Nhi, tương truyền từ đời Lý.

• HỒ GUOM

Nước hồ bốn mùa xanh nên có tên gọi hồ Lục Thủy. Nguyên hồ rất rộng, dài từ Hàng Đào đến nửa Hàng Chuối rồi thông với sông Hồng. Với truyền thuyết Lê Lợi trả gươm, hồ có thêm tên là Hoàn Kiếm. Sau được lấy làm chỗ cho thủy quân luyện tập nên được gọi là hồ Thủy quân. Sau nữa, hồ được đắp đập ngăn hai nên phía Bắc gọi là hồ Tả Vọng, phía Nam là hồ Hữu Vọng. Trong hồ, phía Bắc có một gò đất, các cụ gọi là núi Ngọc, phía Nam có một gò nữa gọi là núi Rùa vì ngày xưa có quy định: cao một tấc gọi là núi (cao nhất thốn, giả vi sơn). Trên núi Ngọc có đền Ngọc Sơn. Trên núi Rùa nay có tháp Rùa. Trong tháp có ba chữ Quy sơn tháp. Có thể từ xa xưa rùa đã lấy đây làm ổ đẻ nên mới có tên như vậy.





Tháp Rùa. (Ảnh: Hoài Hương)



*Hồ Gươm.
(Ảnh: Hoài Hương)*

Ngoài ba hồ trên, trong nội thành còn nhiều hồ, có thể nêu như sau:

- HỒ THIÊN QUANG

Hồ nằm giữa bốn phố Trần Nhân Tông, Trần Bình Trọng, Nguyễn Du, Quang Trung, đối diện với công viên Thống Nhất. Hồ còn có tên là Liên Thủy, sau lấy tên thôn Thiên Quang ở phía Đông Nam hồ. Tên này thường bị đọc chệch là Thuyền Quang. Trước đây, hồ rộng lan tới các phố Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Nguyễn Bình Khiêm bây giờ và còn ăn thông cả với hồ Bảy Mẫu. Những năm 1920-1929, hồ bị lấp dần để làm phố. Hồ có một đảo nhỏ ở phía gần đường Trần Bình Trọng, có cầu đi vào nhà thủy tạ nay làm Câu lạc bộ Thanh niên.



Hồ Thiên Quang. (Ảnh: Hoài Hương)



- HỒ BẢY MẪU

Hồ ở trong công viên Thống Nhất. Có người nói hồ rộng 7 mẫu nên thành tên. Thực ra hồ này rộng tới 40ha tức trên 100 mẫu! Có người lại nói trong hồ có đền thờ bảy bà mẫu. Không có căn cứ!

Năm 1960, hồ được khơi sâu, cải tạo cùng lúc với việc xây dựng công viên Thống Nhất trở thành một hồ đẹp. Hồ có hai hòn đảo: Đảo Thống Nhất là một vườn hoa có cầu nối với cổng phía đường Lê Duẩn. Còn đảo Hòa Bình, gần bờ phía Đông, là nơi mát mẻ tinh mịch dành cho khách muốn nghỉ ngơi.



Hồ Bảy Mẫu. (Ảnh: Hoài Hương)

- HỒ BA MẪU

Ở đối xứng với công viên Thống Nhất qua đường Lê Duẩn và đang được cải tạo để thành bộ phận phụ trợ của công viên trên.

- HỒ ĐỒNG ĐÀ

Ở cuối phố Đặng Tiến Đông, được xây dựng thành bể bơi tiêu chuẩn cao nằm trong khu trung tâm thể thao Đồng Đa.

- HỒ GIÁM

Còn có tên gọi là hồ Văn, nằm trước Văn Miếu, vốn là một hồ khá lớn, đang được cải tạo.



Hồ Ba Mẫu. (Ảnh: Hoài Hương)





Hồ Giám. (Ảnh: Hoài Hương)



Hồ Giảng Võ. (Ảnh: Hoài Hương)



Hồ Ngọc Khánh. (Ảnh: Hoài Hương)



Hồ Thủ Lệ. (Ảnh: Hoài Hương)



- HỒ GIẢNG VỖ

Ở phía sau Trung tâm Hội chợ triển lãm, vốn là đất làng Giảng Võ, quanh hồ nhiều khách sạn lớn: Hà Nội, Thăng Long, Giảng Võ, Thương mại, Bên hồ...

- HỒ NGỌC KHÁNH

Cạnh đường Nguyễn Chí Thanh, trước cổng chính Đài Truyền hình Việt Nam, vốn thuộc đất làng Ngọc Khánh.

- HỒ THANH NHÀN

Nằm trong công viên Tuổi trẻ Thủ đô, lối vào từ phố Thanh Nhàn, thuộc địa phận làng Thanh Nhàn.

- HỒ THÀNH CÔNG

Ở góc phố Láng Hạ - Huỳnh Thúc Kháng, trước mặt Đài phát thanh - truyền hình Hà Nội, vốn thuộc đất làng Thành Công.

- HỒ THỦ LỆ

Còn có tên gọi là hồ Linh Lang nằm trong công viên Thủ Lệ, vốn là một hồ lớn chạy dài từ núi Bò đến đền Thủ Lệ.

- HỒ XÃ ĐÀN

Nằm giữa hai khu nhà tập thể Nam Đồng và Trung Tự, thuộc phường Xã Đàn. Có hai phố Hồ Đắc Di và Đặng Văn Ngữ chạy hai bên bờ.



Hồ Xã Đàn. (Ảnh: Hoài Hương)



Hồ Đồng Nhân. (Ảnh: Hoài Hương)



- HỒ ĐỒNG NHÂN

Trước cửa đền Hai Bà, phố Hương Viên, hình bán nguyệt, nhỏ bé xinh xắn.

Còn ở ngoại thành thì có nhiều hồ đầm lớn đang lần lượt có quy hoạch phát triển.

- HỒ ĐỒNG QUAN

Nằm giữa xã Quang Tiến và xã Tiên Dược huyện Sóc Sơn, cảnh quan đẹp nhưng chưa được khai thác.

- ĐÀM VÂN TRÌ

Nằm giữa xã Kim Nỗ và xã Vân Nội huyện Đông Anh, gần kề khu công nghiệp mới Bắc Thăng Long, chưa khai thác nhưng nhiều triển vọng.

- ĐÀM LINH ĐÀM

Nằm giữa xã Đại Kim và xã Hoàng Liệt huyện Thanh Trì, hiện đó là trung tâm điểm của một khu dân cư và đang xây dựng tiếp.

Cũng phải kể tới **đầm Sét** ở xã Thịnh Liệt huyện Thanh Trì. Chính ra đây là một khúc sông Kim Ngưu, do chảy qua các giáp của làng Thịnh Liệt có tên Nôm là làng Sét nên cũng gọi là sông Sét. Khoảng thế kỷ XIX, sông Kim Ngưu có nhiều đoạn bị cạn, tự tách ra thành đầm hồ. Đó cũng là trường hợp đầm Sét. Tại đây có đặc sản cá rô thối thơm ngon đã đi vào ngôn ngữ: *Nước mắm Vạn Vân, cá rô đầm Sét hay Cá rô đầm Sét, sâm cầm hồ Tây.*

Từ khi Hà Nội mở rộng, thành phố Hà Nội thêm nhiều hồ lớn:

- HỒ SUỐI HAI

Suối Hai là tên gọi chung của hai suối Yên Cư và Cầu Rồng cũ khi lập thành hồ nước nhân tạo, rộng 1000ha, sức chứa 50 triệu m³, nằm trong địa phận các thôn Yên Khoái (xã Thụy An), Vô Khuy (xã Cẩm Lĩnh), An Phong (xã Tân Lĩnh) dưới chân núi phía Đông của dãy Ba Vì. Đây là công trình trị thủy sông Tích, giải quyết nạn úng lụt và giữ nước tưới cho gần 1 vạn ha ruộng đất huyện Ba Vì.



Hồ Suối Hai. (Ảnh: Internet)



Công trình gồm một đập chính, hai đập phụ dài 4km, cống, lầu mở cống đập tràn và hệ thống kênh dài hơn 60km, xây dựng từ tháng 12 năm 1958, hoàn thành tháng 4 năm 1964. Hồ Suối Hai rộng gấp đôi Hồ Tây nên mặt nước mênh mông, gió lộng mát mẻ, giữa hồ có đảo. Ngoài lợi ích nuôi cá, hồ còn là nơi săn bắn bới vịt trời thường về đây quần tụ trú đông có tới hàng triệu con. Ngày 15/4/1964, hồ đã vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh tới thăm.

Hồ Suối Hai có vẻ tự nhiên, cách thị xã Sơn Tây 16km theo đường 88, giao thông thuận tiện nên đã và đang là nơi nghỉ mát, du lịch tốt của Thủ đô Hà Nội.

- HỒ ĐỒNG MÔ - NGẢI SON

Hồ chứa nước trên núi, Đồng Mô - Ngải Sơn là công trình thủy lợi lớn mới xây dựng trong những năm cuối của thập kỷ 1960. Hồ mang tên gọi của hai thôn ở hai đầu hồ là Đồng Mô, thuộc xã Yên Bài, huyện Ba Vì và thôn Ngải Sơn, xã Kim Sơn, nay thuộc thị xã Sơn Tây.

Hồ cách thị xã Sơn Tây hơn 10km về phía Nam và cách hồ Suối Hai gần 20km về phía Đông. Trước đây là một vùng đồi núi nhấp nhô, sau đó đắp con đập nối đồi Kiến (113m), đồi Con Ma (102m) mà tạo thành hồ. Nước nguồn của sông Hang từ đó được giữ lại trong cái hồ dài 17km, rộng trung bình 4km, diện tích mặt nước 1300ha, chứa gần 100 triệu m³ nước, chống úng và hạn cho đồng ruộng bốn huyện:



Hồ Đồng Mô. (Ảnh: Internet)

Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ. Trong lòng hồ còn trên 60 ha đất đồi chưa ngập, trồng cây lưu niên.

Ngày nay, bên bờ hồ đã mọc lên những khách sạn phục vụ cho sân golf 36 lỗ. Riêng trụ sở câu lạc bộ của sân golf là ngôi nhà bốn tầng với những tiện nghi hiện đại.

- HỒ ĐẠI LÁI

Nằm trong thị trấn mới Xuân Hòa, huyện Mê Linh, cách thị xã Phúc Yên 8km về phía Bắc, hồ chứa hơn 50 triệu m³ nước, cung cấp cho các hệ thống thủy nông của hai huyện Mê Linh, Sóc Sơn. Nước hồ trong xanh, soi bóng rừng bạch đàn rợp mát trên các đồi chung quanh, góp phần cải tạo môi





Hồ Đại Lải. (Ảnh: Hoài Hương)

sinh cho toàn vùng. Đây hiện có Nhà sáng tác của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và một số khách sạn đón khách ngày hè.

- HỒ QUAN SƠN

Thực ra đây là hệ thống hồ liên kề nhau. Ở ven chân núi đá Nương Ngái (núi Rạng) thuộc huyện Mỹ Đức, rộng 1050 ha, gần hồ Giang Nội (83 ha), hồ Ngái và hồ Thung Cống. Hệ thống hồ Quan Sơn vừa để chắn lũ, điều tiết lũ quét, dự trữ nước tưới cho huyện Mỹ Đức, đồng thời nuôi thủy sản và làm du lịch với ngôi chùa Hàm Rồng và các hang động trên đảo giữa hồ.

Cũng phải kể tới các hồ Đông Xương, Tuy Lai, Ngõi Lang thuộc huyện Mỹ Đức; hồ Vân Sơn ở huyện

Chương Mỹ; hồ Xuân Khánh ở thị xã Sơn Tây... đều góp phần vào việc dự trữ nước cho nông nghiệp, điều hòa khí hậu và cấp nước sinh hoạt cho nhiều địa phương. Ngoài ra còn những đầm Trầm, đầm Long, hồ Mèo Gù; đầm Bún, đầm Sen, đầm Sa, đầm Đồng Lư, đầm Tri Lại... đều góp phần vào việc dự trữ nước cho nông nghiệp cũng như sinh hoạt cho các địa phương lân cận.



*Hồ Quan Sơn.
(Ảnh: Internet)*

*Kachioska
27/07/08*



KHÍ HẬU

Khí hậu Hà Nội khá tiêu biểu cho khí hậu Bắc bộ với đặc điểm là khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm có mùa hè nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít.

Nằm trong vùng nhiệt đới, Hà Nội quanh năm tiếp nhận lượng bức xạ của mặt trời rất dồi dào nên có nền nhiệt độ cao. Lượng bức xạ tổng cộng trung bình hàng năm ở Hà Nội là $122,8\text{Kcal/cm}^2$ và nhiệt độ không khí trung bình hàng năm là $23,5^{\circ}\text{C}$. Do chịu ảnh hưởng của biển, Hà Nội có lượng ẩm và lượng mưa khá lớn. Ở Hà Nội, quanh năm không có tháng nào độ ẩm ướt của không khí dưới 80%. Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 81%. Lượng mưa trung bình hàng năm của Hà Nội là 1.676mm và mỗi năm có khoảng trên dưới 110 ngày mưa.

Đặc điểm khí hậu Hà Nội rõ nét nhất là sự thay đổi và khác biệt của hai mùa nóng lạnh. Từ tháng 5 đến tháng 9 là mùa nóng mưa, từ tháng 11 đến tháng 3 là mùa lạnh và khô ráo. Giữa hai mùa đó lại có hai chu kỳ chuyển tiếp (tháng 4 và tháng 10).

Mùa hạ thực sự bắt đầu từ tháng 5, kéo dài đến tháng 8, nhiệt độ trung bình là $27,5^{\circ}\text{C}$. Tháng nóng nhất là tháng 6, nhiệt độ trung bình tháng này là $29,2^{\circ}\text{C}$. Có ngày lên tới 38°C . Đó là những ngày nóng nực, nhất là khi có gió Tây Nam thổi tới thì quá oi ả.

Cũng thời gian này mưa bắt đầu rơi, ngày càng nhiều, tới tháng 8 hay xảy ra lũ lụt và bão tố.

Sang tháng 9, tháng được coi là đúng giữa mùa thu âm lịch, gió đang chuyển hướng, không nóng nực nữa. Gió phương Bắc về nên có những ngày trời lạnh. Mùa thu ở châu thổ sông Hồng, ở Hà Nội thật dịu dàng, đẹp một cách nên thơ.

Mùa đông bắt đầu từ tháng 11. Gió bắc xuất phát từ Trung Á thổi qua lục địa Trung Hoa, luôn qua các khe đồi thấp vùng Đông Bắc tràn vào hết đợt này đến đợt khác. Nhiệt độ hạ thấp, trung bình tháng 11 là 21,5°C, tháng 12 là 18,5°C và tháng Giêng - tháng lạnh nhất - là 17,2°C. Đây là thời kỳ khô hanh, có những ngày rất giá rét.

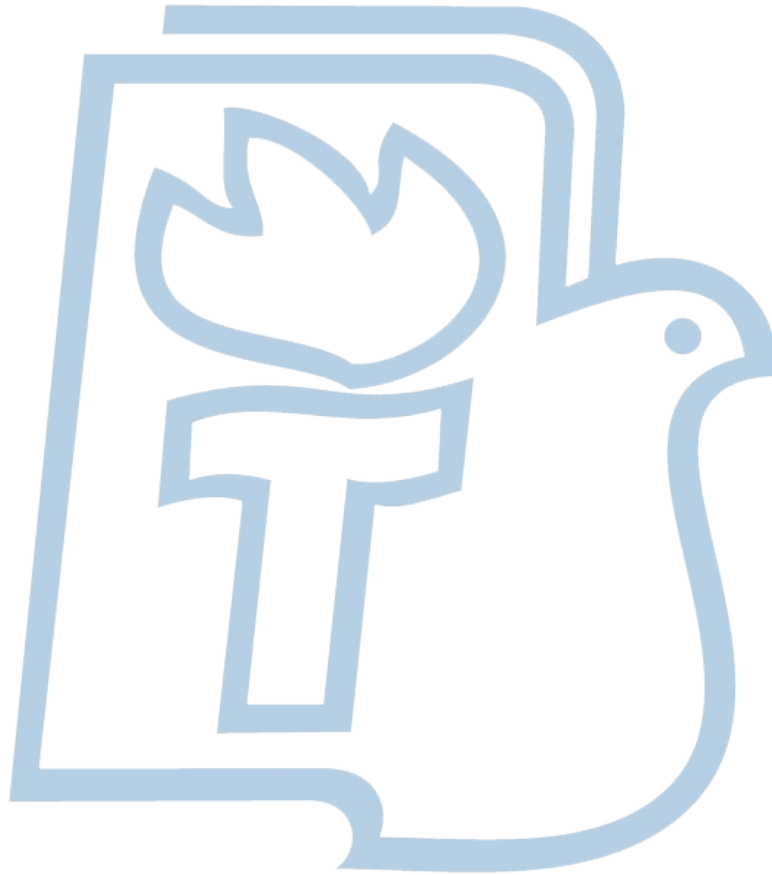
Sang tháng 2 chính là tháng Giêng âm lịch, mở đầu mùa xuân có tết Nguyên đán cổ truyền. Vạn vật hồi sinh. Mưa xuân lất phất bay, thứ mưa “đặc sản” của khí hậu miền Bắc, của Hà Nội. Mùa xuân kéo dài trong hơn hai tháng, cho đến tháng 4 thì đổi hướng gió mùa. Thực ra, nhiều năm, trong tháng 3 đã có những đêm tiết trời thay đổi, những tiếng sấm đầu tiên rồi trời đổ mưa rào rào - những trận mưa rào báo hiệu mùa hè.

Bốn mùa kế tiếp nhau thay đổi như vậy đã làm cho Hà Nội thêm phong phú, đa dạng. Tuy nhiên sẽ là thiếu sót nếu không nêu lên một thực tế là khí hậu Hà Nội cũng có sự biến đổi thất thường, chủ



yếu là do sự tranh chấp ảnh hưởng hoạt động của hai gió mùa và các quá trình thời tiết đặc biệt diễn ra trong mỗi mùa.

Hà Nội có những năm rét sớm, có năm rét muộn, có năm mùa nóng kéo dài, có năm nhiệt độ cao nhất tới $42,8^{\circ}\text{C}$ (tháng 5/1926) lại có năm nhiệt độ thấp tới $2,7^{\circ}\text{C}$ (tháng 1/1955), có năm mưa nhiều gây úng ngập và lũ lụt lớn khó lường.



Mục lục

CHƯƠNG MỘT:

ĐÃ ĐÚNG NGÔI NAM BẮC ĐÔNG TÂY

LẠI TIỆN THỂ NHÌN SÔNG TỰA NÚI

(Lý Thái Tổ)

7

- NÚI

15

- SÔNG

28

- ĐÀM HỒ

40

- KHÍ HẬU

58

CHƯƠNG HAI:

...LẤY DÂN LÀM GỐC

(Chủ tịch Hồ Chí Minh)

61

CHƯƠNG BA:

ĐÂY LẮNG HỒN NÚI SÔNG NGHÌN NĂM

(Nguyễn Đình Thi)

77

- THỜI KỲ TIỀN THĂNG LONG

79

- THỜI KỲ THĂNG LONG

84

- THỜI KỲ HÀ NỘI

96

- HÀ NỘI GIẢI PHÓNG

112

- HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ

CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

114

- HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ

THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

117



CHƯƠNG BỐN:

PHỐ CỔ THÀNH XUA

- | | |
|--------------------------|-----|
| - KHÔNG GIAN KHU PHỐ CỔ | 125 |
| - KIẾN TRÚC Ở KHU PHỐ CỔ | 129 |
| - KHU PHỐ CŨ | 138 |
| - THÀNH CỔ HÀ NỘI | 165 |

CHƯƠNG NĂM:

... CŨNG NGƯỜI TRÀNG AN

- | | |
|---|-----|
| <i>(Ca dao)</i> | 181 |
| - VĂN HÓA NGƯỜI TRÀNG AN – THĂNG LONG – HÀ NỘI | 183 |
| - QUÁ TRÌNH TIẾP BIẾN VĂN HÓA TRÀNG AN – THĂNG LONG – HÀ NỘI | 190 |
| - VĂN HÓA THĂNG LONG – HÀ NỘI – HƯỚNG TỚI NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC | 201 |

CHƯƠNG SÁU:

ĐẤT LỀ KẼ CHỢ

- | | |
|---------------------------|-----|
| <i>(Ngạn ngữ)</i> | 211 |
| - HÀNG VÀNG, HÀNG BẠC | 213 |
| - HÀNG THÊU REN | 216 |
| - HÀNG GỐM SỨ BÁT TRÀNG | 221 |
| - HÀNG SON MÀI | 224 |
| - HÀNG ĐAN SONG, MÂY, TRE | 227 |
| - GIẤY BƯỞI | 230 |
| - HÀNG KHẨM TRAI | 234 |

- HÀNG NÓN 238
- HOA VÀ CÂY CẢNH 242

CHƯƠNG BẢY:

MIẾNG NGON HÀ NỘI 247

- CHẢ CÁ LÃ VỌNG 250
- PHỞ 253
- BÚN CHẢ 256
- BÚN THANG 259
- CUỐN 260
- BÁNH CUỐN 261
- CỐM VÀ BÁNH CỐM 264
- BÁNH DÀY QUÁN GÁNH 266
- GIÒ CHẢ ƯỚC LỄ 268

CHƯƠNG TÁM:

THÁNG GIÊNG LÀ THÁNG ĂN CHƠI

THÁNG HAI CỜ BẠC, THÁNG BA HỘI HÈ

(Ca dao) 273

- HỘI KHÊ THUỘNG,
CHÀNG RỂ VỀ THĂM BỐ VỢ 278
- HỘI ĐỒNG ĐA KỶ NIỆM MỘT CHIẾN CÔNG 281
- HỘI CỔ LOA VỚI NGHI THỨC
RƯỚC CUNG ĐÌNH 283
- HỘI ĐÈN SÓC, NƠI THÁNH DÓNG VỀ TRỜI 287
- HỘI HẠ LÔI TƯỢNG NIỆM HAI BÀ TRUNG 291
- HỘI ĐÔNG ĐỒ VỚI TỤC HÁT PHẾT CỔ TRUYỀN 295
- HỘI LÀNG LA VỚI NGÀY RÃ ĐÁM THÚ VỊ 297



| | |
|--|-----|
| - HỘI THỐI COM THI THỊ CẨM MỪNG CÔNG SỨC LAO ĐỘNG | 299 |
| - HỘI CHÈO TÀU VÙNG GỐI DIỄN TẢ CUỘC HÀNH QUÂN | 303 |
| - HỘI TRIỀU KHÚC PHỤC HIỆN VIỆC PHÙNG HUNG LUYỆN QUÂN | 308 |
| - HỘI ĐỒNG NHÂN TƯỚNG NIỆM HAI BÀ TRUNG | 310 |
| - HỘI LÁNG DIỄN LẠI SỰ GIAO CHIẾN CỦA HAI ÔNG THÁNH | 313 |
| - HỘI GIÁ VÀ TỤC NGHIÊM QUÂN | 316 |
| - HỘI LỆ MẬT GHI NHỚ MỘT CHÀNG TRAI DỮNG CẢM | 320 |
| - HỘI DÓNG LỚN NHẤT CHÂU THỎ XỨ BẮC | 323 |
| - HỘI CHÈM CÓ TỪ HAI NGÀN NĂM TRƯỚC? | 331 |
| - HỘI CHÙA HUƠNG - THẨM CẢNH VÀ CẦU MAY | 334 |

CHƯƠNG CHÍN:

NGHÌN NĂM GƯƠNG CŨ SOI KIM CỐ

(Bà huyện Thanh Quan)

| | |
|------------------|-----|
| | 339 |
| - CHÙA CẦU ĐÔNG | 342 |
| - CHÙA BÀ ĐÁ | 345 |
| - CHÙA TRẦN QUỐC | 347 |
| - CHÙA NGŨ XÃ | 349 |
| - CHÙA QUÁN SỨ | 352 |
| - CHÙA MỘT CỘT | 354 |
| - CHÙA LÁNG | 356 |
| - CHÙA KIM LIÊN | 359 |
| - CHÙA LIÊN PHÁI | 361 |

| | |
|--------------------------------|-----|
| - ĐỀN NGỌC SƠN VÀ HỒ HOÀN KIẾM | 363 |
| - THÁP HÒA PHONG | 370 |
| - ĐỀN ĐÔNG NHÂN | 372 |
| - ĐỀN BÍCH CÂU | 374 |
| - PHỦ TÂY HỒ | 376 |
| - VẤN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM | 378 |
| - CỘT CỜ HÀ NỘI | 383 |
| - CỬA Ô QUAN CHUÔNG | 384 |
| - THĂNG LONG TỬ TRẦN | 388 |
| - THĂNG LONG TỬ QUÁN | 400 |
| - HỒ THIÊN QUANG | 406 |
| - HỒ TRÚC BẠCH | 408 |
| - HỒ TÂY | 411 |
| - GÒ ĐỒNG ĐÀ | 414 |
| - CÔNG VIÊN LÝ THÁI TỔ | 417 |
| - CÔNG VIÊN LÊNIN | 419 |
| - CÔNG VIÊN BÁCH THẢO | 421 |
| - CÔNG VIÊN THỐNG NHẤT | 423 |
| - CÔNG VIÊN THỦ LỆ | 426 |
| - QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH | 427 |
| - LĂNG BÁC HỒ | 429 |
| - NHÀ SÀN BÁC HỒ | 431 |
| - NHÀ LƯU NIỆM 48 HÀNG NGANG | 434 |
| - BẢO TÀNG LỊCH SỬ | 436 |
| - BẢO TÀNG CÁCH MẠNG | 438 |
| - BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH | 440 |



| | |
|---------------------------------------|-----|
| - BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM | 441 |
| - BẢO TÀNG CHIẾN THẮNG B.52 | 445 |
| - BẢO TÀNG KHÔNG QUÂN | 449 |
| - BẢO TÀNG PHÒNG KHÔNG | 452 |
| - BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM | 456 |
| - BẢO TÀNG MỸ THUẬT | 457 |
| - BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC | 461 |
| - CUNG VĂN HÓA LAO ĐỘNG HỮU NGHỊ | 463 |
| - CUNG VĂN HÓA THIẾU NIÊN HÀ NỘI | 465 |
| - THƯ VIỆN QUỐC GIA | 467 |

PHỤ LỤC:

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

472